HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC I**

**KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

**HÀ NỘI, THÁNG 11 NĂM 2024**

**PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học**

Tổng số tiết: 40

Lý thuyết: 35................................; Thảo luận: 05.......................................; Thực tế môn học:…………….........................

Khoa giảng dạy: Kinh tế chính trị

Số điện thoại: .................................................................... Email:…………………………….…………….………………

**2*.*****Mô tả tóm tắt nội dung môn học** (không quá 150 từ)

- Kinh tế phát triển là môn học nghiên cứu và luận giải cơ chế của quá trình tăng trưởng, phát triển của nền kinh tế. Trên cơ sở vận dụng các nguyên lý phát triển kinh tế, môn học đi vào phân tích, đánh giá thực trạng tăng trưởng, phát triển kinh tế và phát triển bền vững, từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế... nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

- Nghiên cứu môn học kinh tế phát triển sẽ góp phần nâng cao nhận thức và phát triển tư duy cho người học trong việc hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong phát triển kinh tế quốc gia, địa phương; vận dụng lý luận để giải thích, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể về phát triển kinh tế trong thực tiễn.

- Kinh tế phát triển là môn học thuộc nhóm ngành kinh tế học, nghiên cứu tổng hợp trên các mặt kinh tế - xã hội - môi trường. Vì vậy, môn học có quan hệ mật thiết với các môn học trong chương trình cao cấp lý luận chính trị. Đặc biệt là các môn: Kinh tế chính trị, quản lý kinh tế, văn hóa phát triển, xã hội học...

**3. Mục tiêu môn học**

***- Về kiến thức:***

Cơ sở lý luận và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nhanh, bền vững; gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công băng xã hội và bảo vệ môi trường.

***- Về kỹ năng:***

+ Đánh giá thực trạng, tham vấn chính sách phát triển kinh tế (quốc gia, địa phương, ngành).

+ Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về phát triển kinh tế - xã hội.

+ Phản biện, đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc về các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đề ra.

***- Về tư tưởng:***

+ Củng cố niềm tin khoa học vào đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nhanh và bền vững.

+ Sẵn sàng đấu tranh phản bác luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về mục tiêu phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam.

**PHẦN II: CÁC BÀI GIẢNG/CHUYÊN ĐỀ MÔN HỌC**

**I. Bài giảng 1**

**1. Tên chuyên đề: Tồng quan về tăng trưởng, phát triển kinh tế và phát triển bền vững**

**2. Số tiết lên lớp: 05**

**3. Mục tiêu:** Bài giảng/chuyên đề này sẽ trang bị/cung cấp cho học viên:

***- Về kiến thức:*** Nội dung của tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và phát triển bền vững; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam.

***- Về kỹ năng:*** Phát hiện và giải quyết những vấn đề đặt ra nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam/địa phương, ngành.

***- Về tư tưởng***: Cũng cố niềm tin khoa học vào đường lối của Đảng về tăng trưởng, phát triển kinh tế và phát triển bền vững; sẵn sàng đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nhanh và bền vững

**4. Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHUẨN ĐẦU RA (Sau khi kết thúc bài giảng này học viên có thể đạt được)** | **ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC** | |
| **YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ** | **HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ** |
| ***- Về kiến thức:***  Hiểu được nội dung của tăng trưởng, phát triển kinh tế; Nắm vững quan điểm, mục tiêu của phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045. | - Nắm được nội dung tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển bền vững.  - Phân tích sự ảnh hưởng của các nhân tố (kinh tế và phi kinh tế) ở Việt Nam (địa phương) đối với tăng trưởng, phát triển kinh tế.  - Nắm vững quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ do Đảng đề ra trong phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam.  - Đánh giá được những kết quả tích cực, phát hiện được những bất cập, hạn chế và đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở địa phương/ngành. | - Viết thu hoạch  - Thi viết  - Thi vấn đáp |
| ***- Về kỹ năng:***  Phát hiện được những vấn đề thực tiễn cần giải quyết để thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. |
| ***- Về thái độ/Tư tưởng:***  Có thái độ rõ ràng, sẵn sàng tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện các nội dung trong đường lối của Đảng về phát triển kinh tế. |

**5. Tài liệu học tập** *(Phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung bài giảng/chuyên đề và ghi rõ chương/mục/trang)*

***5.1. Tài liệu phải đọc*** *(tối đa 03 tài liệu)*

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình Kinh tế phát triển, Nxb Lý luận Chính trị, H.2021.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, tr.111-120; 206-222

***5.2. Tài liệu tham khảo***

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030

2. Ban chấp hàng trung ương, Nghị quyết 05-NQ/TW Hội nghị lần thứ tư, khóa XII về *Một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế*

**6. Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU HỔI CỐT LÕI (Bài giảng phải giải quyết)** | **NỘI DUNG** | **CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH** |
| **Câu 1**: Tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và phát triển bền vững về kinh tế bao gồm những nội dung nào? | **1. NỘI DUNG CỦA TĂNG TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  **1.1. Tăng trưởng kinh tế**  - Tăng trưởng kinh tế là sự tăng thêm về thu nhập thực tế của nền kinh tế trong một thời gian nhất định (thường là một năm)  - Tăng trưởng kinh tế được xác định thông qua việc tăng lên của tổng thu nhập quốc nội (GDP) thực tế trong một thời gian, được xem xét trên hai khía cạnh: quy mô và tốc độ  - Tăng trưởng kinh tế đơn thuần đề cập đến mặt lượng của nền kinh tế  **1.2. Phát triển kinh tế**  - Phát triển kinh tế là sự tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định. Trong đó bao gồm cả sự tăng trưởng kinh tế và sự tiến bộ về cơ cấu kinh tế - xã hội.  - Phát triển kinh tế bao gồm các nội dung:  + Tăng trưởng kinh tế ổn định trong dài hạn  + Cơ cấu kinh tế - xã hội chuyển dịch theo hướng tiến bộ  + Gia tăng năng lực nội sinh của nền kinh tế  + Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội  **1.3. Phát triển bền vững về kinh tế**  - Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển là: phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.  - Nội dung phát triển bền vững về kinh tế: Tăng trưởng nhanh; hiệu quả cao; ổn định.  - Quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế và phát triển bền vững  + Tăng trưởng kinh tế chỉ là điều kiện cần của phát triển kinh tế.  + Phát triển kinh tế là một nội dung của phát triển bền vững  - Các nhân tố tác động đến tăng trưởng phát triển kinh tế  + Tăng trưởng, phát triển kinh tế và phát triển bền vững chịu tác động của hai nhóm nhân tố: nhân tố kinh tế và nhân tố phi phi kinh tế | ***1. Câu hỏi trước giờ lên lớp***  - Thế nào là tăng trưởng, phát triển kinh tế và phát triển bền vững?  - Để đánh giá thực trạng tăng trưởng, phát triển kinh tế và phát triển bền vững về kinh tế cần sử dụng những thước đo nào?  - Những nhân tố nào ảnh hưởng đến tăng trưởng, phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, địa phương?  - Để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững thì cần những điều kiện gì?  ***2. Câu hỏi sau giờ lên lớp***  - Đảng ta xác định quan điểm và mục tiêu phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 như thế nào?  - Để phát triển nhanh và bền vững kinh tế ở địa phương (nơi đồng chí công tác) cần tạo lập những điều kiện gì?  - Đồng chí sẽ làm gì trước những luận điệu cho rằng, các mục tiêu phát triển bền vững do Đại hội XIII đề ra là quá cao, không có tính khả thi? |
| **Câu 2**: Đảng Cộng sản Việt Nam có quan điểm như thế nào về phát triển kinh tế nhanh và bền vững? | **2. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHANH VÀ BỀN VỮNG**  **2.1. Quan điểm phát triển**  ***- Về phát huy vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số***  + Phát triển nhanh, bền vững dựa chủ yếu vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.  + Phải đổi mới tư duy hành động chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.  + Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số.  ***- Về nâng cao chất lượng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa***  + Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước.  + Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất nhất là đất đai.  + Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới.  + Phải coi trọng hơn quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương.  + Phát triển nhanh, hài hòa các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế.  ***- Về tạo động lực phát triển***  + Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và sức mạnh khối đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  + Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển.  + Lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững.  + Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân.  ***- Về hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển***  + Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế.  + Phải hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới có tính tự chủ, tham gia hiệu quả, cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu và khả năng chống chịu hiệu quả trước các tác động lớn, bất thường từ bên ngoài.  + Phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực và sức mạnh thời đại. Không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế, phát triển lực lượng doanh nghiệp của người Việt Nam ngày càng vững mạnh và huy động sức mạnh tổng hợp của đất nước, nâng cao hiệu quả và lợi ích do hội nhập quốc tế mang lại.  ***- Về ổn định để phát triển***  + Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.  + Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.  + Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.  **2.2. Mục tiêu phát triển**  ***- Mục tiêu phát triển tổng quát***  + Phấn đấu đến năm 2030, nước ta là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.  + Phấn đấu đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao.  ***- Mục tiêu cụ thể***  + Nhóm mục tiêu về tăng trưởng kinh tế  + Nhóm mục tiêu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế  + Nhóm mục tiêu về năng lực nội sinh của nền kinh tế  + Nhóm mục tiêu về tiến bộ và công bằng xã hội  **2.3. Những nhiệm vụ chủ yếu**  - Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.  - Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.  - Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.  - Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phát triển nền kinh tế số; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô.  - Phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế biển, lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới  - Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.  - Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. |
| **Câu 3**: Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần làm gì để thực hiện đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế nhanh và bền vững? | **3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**  **3.1. Những kết quả tích cực và vấn đề đặt ra cần giải quyết để phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở địa phương/ngành**  - Về ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất  - Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.  - Về xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương/ngành  - Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền trong thực hiện đường lối của Đảng về phát triển nhanh, bền vững  **3.2. Giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục những khó khăn, thách thức nhằm phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở địa phương**  - Về nhận thức  - Về tổ chức thực hiện |

**7. Yêu cầu với học viên** *(Nêu rõ các hoạt động người học phải thực hiện phù hợp với chuẩn đầu ra, nội dung, hình thức tổ chức dạy học và yêu cầu đánh giá của bài giảng đã tuyên bố).*

- Đọc và nghiên cứu nội dung bài giảng trước khi lên lớp.

- Trả lời được các câu hỏi

**- Tập trung nghe giảng, tích cực tham gia trả lời các câu hỏi, tham gia đối thoại, đóng góp ý kiến, thảo luận.**

**II. Bài giảng 2: Mô hình tăng trưởng kinh tế và đổi mối mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam**

**2. Số tiết lên lớp: 05**

**3. Mục tiêu:** Bài giảng/chuyên đề này sẽ trang bị/cung cấp cho học viên:

***- Về kiến thức:*** Nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế

***- Về kỹ năng:*** Đánh giá thực trạng, phát hiện những vấn đề cần giải quyết trong tổ chức thực hiện đường lối của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế.

***- Về tư tưởng***: Cũng cố niềm tin khoa học vào chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam nói riêng và đường lối phát triển kinh tế nói chung

**4. Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHUẨN ĐẦU RA (Sau khi kết thúc bài giảng này học viên có thể đạt được)** | **ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC** | |
| **YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ** | **HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ** |
| ***- Về kiến thức:***  Hiểu được cơ sở lý luận của chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế; nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. | - Phân tích được cơ sở lý luận của chủ trương đổi mới mô hình tăng trường kinh tế ở Việt Nam  - Vận dụng lý thuyết để nhận diện mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam (địa phương) dưới các khía cạnh của mô hình tăng trưởng kinh tế để làm rõ nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.  - Luận giải cơ sở khoa học của chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam nhằm bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng CSVN về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế.  - Nắm vững quan điểm, mục tiêu và các nhiệm vụ do Đảng đề ra để thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế.  - Đánh giá được những kết quả tích cực, phát hiện được những bất cập, hạn chế và xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở địa phương, ngành. | - Viết thu hoạch  - Thi viết  - Thi vấn đáp |
| ***- Về kỹ năng:***  Đánh giá được thực trạng, phát hiện được những vấn đề cần giải quyết trong thực tiễn và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế |
| ***- Về thái độ/Tư tưởng:***  Có thái độ rõ ràng, sẵn sàng tham gia đóng góp ý kiến và sức lực vào việc xây dựng, thực hiện các chính sách đổi mới nô hình tăng trưởng kinh tế cũng như đấu tranh bảo vệ đường lối của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. |

**5. Tài liệu học tập** *(Phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung bài giảng/chuyên đề và ghi rõ chương/mục/trang cần đọc)*

***5.1. Tài liệu phải đọc***

(1) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.30-48

(2) Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, Tập 1, Trang: 114-115, 120-128, 218-219, 220-222, 226-227, 234-249; Tập 2, Trang: 17-18, 61-67, 83, 97, 100-102

(3) Ban chấp hàng trung ương, Nghị quyết 05-NQ/TW Hội nghị lần thứ tư, khóa XII về *Một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế*

**5.2. Tài liệu tham khảo**

(1) Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 104, 107, 191-192

(2) Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội, tr. 87-88

**6. Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU HỔI CỐT LÕI (Bài giảng phải giải quyết)** | **NỘI DUNG** | **CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH** |
| **Câu 1**: Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế gồm những nội dung nào? | **1. MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ NỘI DUNG ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TẲNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM**  **1.1. Mô hình tăng trưởng kinh tế và các khía cạnh của mô hình tăng trưởng kinh tế**  - Mô hình tăng trưởng kinh tế là cách thức để mỗi quốc gia (hoặc địa phương) đạt được mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế  - Một mô hình tăng trưởng kinh tế được xem xét trên bốn khía cạnh:  + Khía cạnh các yếu tố đầu vào  + Khía cạnh các yếu tố đầu ra  + Khía cạnh cấu trúc  + Khía cạnh thể chế kinh tế  - Từ các khía cạnh của mô hình tăng trưởng kinh tế, có thể phân chia thành mô hình tăng trưởng theo chiều rộng và chiều sâu  + Mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng là tăng trưởng dựa vào các yếu tố đầu vào truyền thống như: Tài nguyên thiên nhiên, vốn và lao động trình độ thấp mà không áp dụng nhiều về tiến bộ khoa học và công nghệ  + Mô hình tăng trưởng theo chiều sâu là tăng trưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả trên cơ sở áp dụng mạnh mẽ yếu tố khoa học công nghệ, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, thay đổi cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế.  **1.2. Nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế**  - Đổi mới mô hình tăng trưởng là đổi mới cách thức tổ chức quá trình tăng trưởng phát triển kinh tế, bao gồm:  + Đổi mới việc khai thác, huy động sử dụng các yếu tố đầu vào  + Đổi mới việc xây dựng cấu cấu trúc của nền kinh tế  + Đổi mới và hoàn thiện thể chế kinh tế  + Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế | *1. Câu hỏi trước giờ lên lớp*:  - Thế nào là mô hình tăng trưởng kinh tế, mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, mô hình tăng trưởng theo chiều sâu?  - Những ưu điểm, hạn chế của mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, chiều sâu?  - Nội dung cơ bản trong chủ trương của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế?  - Những thành tựu về đổi mới mô hình tăng trưởng có tác động như thế nào đến việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế giai đoạn 2011-2020?  ***2. Câu hỏi sau giờ lên lớp*:**  - Chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam nhằm mục tiêu gì?  - Những vấn đề gì đang đặt ra cần giải quyết trong thực tiễn đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam (địa phương, ngành)?  - Đồng chí có thể làm gì để khẳng định đường lối đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn? |
| **Câu 2**: Đảng Cộng sản Việt Nam có quan điểm như thế nào về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế? | **2. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ**  **2.1. Nhận thức của Đảng về sự cần thiết phải đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam**  ***-* Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1991-2020 là mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh thấp, dẫn đến sự tụt hậu của nền kinh tế**  **- Đổi mới mô hình tăng trưởng để đẩy nhanh tốc độ phát triển nhằm thực hiện các mục tiêu đến năm 2030, 2045**  **- Tận dụng thời cơ bứt phá về phát triển, đặc biệt là thành tựu cách mạng khoa học và công nghệ**  **2.2. Chủ trương của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế**  ***- Về mục tiêu:***  ***+* Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế là nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh, bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường.**  **+ Không thúc đẩy tăng trưởng bằng mọi giá, gây tác động xấu đến ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tiến bộ, công bằng xã hội, giữ gìn môi trường sinh thái.**  ***- Về lộ trình, cách thức đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế:***  ***+* Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế theo lộ trình, bước đi thích hợp: Giai đoạn đầu: kết hợp hài hòa, hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu; vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và tính bền vững. Tiến tới chú trọng tăng trưởng theo chiều sâu và cuối cùng là chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu**  **+ Tùy theo tình hình thực tế của từng ngành, lĩnh vực và địa phương mà kết hợp hợp lý giữa tăng trưởng theo chiều rộng và chiều sâu, trong đó lấy tăng trưởng theo chiều sâu là hướng chủ đạo.**  **+ Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với thực hiện ba đột phá chiến lược và cơ cấu lại nền kinh tế**  ***- Ý nghĩa và tầm quan trọng của đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế:***  ***+* Đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế là nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu, có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn hiện nay*.***  **2.3. Một số chủ trương, chính sách lớn nhằm đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế**  ***- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành kinh tế vĩ mô:***  **+ Ổn định và củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc;**  **+ Kiểm soát tốt lạm phát; bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế;**  **+ Cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước và nợ công, xử lý có hiệu quả nợ xấu của nền kinh tế.**  ***- Tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược:***  **+ Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**  **+ Tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ**  **+ Chú trọng phát triển nguồn nhân lực Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của đất nước**  ***- Ưu tiên phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là khoa học - công nghệ hiện đại:***  ***+* Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ. Thực hiện cơ chế đối ứng hợp tác công - tư để doanh nghiệp khai thác có hiệu quả các dự án đổi mới công nghệ, sáng tạo, nghiên cứu và phát triển.**  **+ Tiếp tục phát triển mạnh các khu công nghiệp, khu công nghệ cao; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo. Xây dựng và thực hiện chính sách nhập khẩu công nghệ.**  **+ Xây dựng, vận hành có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu và thực hành tốt nhất về năng suất lao động để theo dõi tình hình thực hiện và phân tích, đánh giá, dự báo.**  ***- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế:***  **+ Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước**  **+ Cơ cấu lại thị trường tài chính, trọng tâm là các tổ chức tín dụng**  **+ Cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công**  **+ Đổi mới, cơ cấu lại khu vực sự nghiệp công lập**  **+ Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới**  **+ Cơ cấu lại một cách thực chất các ngành công nghiệp**  **+ Thực hiện cơ cấu lại và phát triển nhanh các ngành dịch vụ, duy trì tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP**  ***-*** ***Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam cả về số lượng, chất lượng, thực sự là một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế******:***  ***+***  **Thúc đẩy hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có công nghệ hiện đại.**  **+ Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển mạnh khu vực doanh nghiệp chính thức có đăng ký, giảm dần và thu hẹp quy mô kinh doanh phi chính thức.**  **+ Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm cơ bản gánh nặng chi phí đối với doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.**  ***- Đổi mới cách thức thực hiện liên kết, phối hợp giữa các địa phương trong phát triển kinh tế vùng; thực hiện có hiệu quả quá trình đô thị hóa***  **+ Hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu lực thực thi các quy hoạch phát triển kinh tế vùng;**  **+ Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương và hình thành thể chế điều phối phát triển kinh tế theo vùng.**  **+ Thực hiện có hiệu quả quá trình đô thị hóa trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị,**  ***- Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh***  **+ Chính sách quốc phòng, an ninh phải tạo thuận lợi và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, phát triển kinh tế phải góp phần gia tăng tiềm lực quốc phòng, an ninh.**  **+ Ưu tiên phát triển mạnh các ngành kinh tế biển, gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.**  ***- Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước***  ***+* Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về kinh tế theo hướng xây dựng nhà nước quản lý và phục vụ.**  **+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện điện tử hóa nghiệp vụ quản lý nhà nước và xã hội hóa việc xây dựng các dữ liệu thông tin quản lý nhà nước.**  **+ Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với cải cách tiền lương.**  **+ Tăng cường năng lực các cơ quan chức năng quản lý và giám sát thị trường.** |
| **Câu 3**: Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần phải làm gì để thực hiện đường lối của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế? | **3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**  **3.1. Những kết quả tích cực và vấn đề đặt ra trong thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở địa phương/ngành**  - Đổi mới và hoàn thiện chính sách địa phương  - Đổi mới việc sử dụng các yếu tố đầu vào của sản xuất  - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lại nền kinh tế  - Đổi mới sản phẩm, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm địa phương  - Về nhận thức của cán bộ lãnh đao, quản lý  **3.2. Giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế trong thực hiện chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở địa phương/ngành**  - Về nhận thức  - Về tổ chức thực hiện |

**7. Yêu cầu với học viên** *(Nêu rõ các hoạt động người học phải thực hiện phù hợp với chuẩn đầu ra, nội dung, hình thức tổ chức dạy học và yêu cầu đánh giá của bài giảng đã tuyên bố).*

- Đọc và nghiên cứu nội dung bài giảng trước khi lên lớp.

- Trả lời được các câu hỏi

**- Tập trung nghe giảng, tích cực tham gia trả lời các câu hỏi, tham gia đối thoại, đóng góp ý kiến, thảo luận.**

**III. Bài giảng 3**

**1. Tên chuyên đề: Tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế**

**2. Số tiết lên lớp: 05**

**3. Mục tiêu:** Bài giảng/chuyên đề này sẽ trang bị/cung cấp cho học viên:

***- Về kiến thức:*** Nội dung tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế.

***- Về kỹ năng:*** Phát hiện những vấn đề cần giải quyết trong tổ chức thực hiện đường lối của Đảng về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế ở địa phương/ngành

***- Về tư tưởng***: Cũng cố niềm tin khoa học vào đường lối của Đảng về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế; sẵn sàng đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc phủ nhận thành tựu về tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam

**4. Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHUẨN ĐẦU RA (Sau khi kết thúc bài giảng này học viên có thể đạt được)** | **ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC** | |
| **YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ** | **HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ** |
| ***\* Về kiến thức:***  Phân tích được nội dung tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế; nắm vững quan điểm, chủ trương của Đảng về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế | - Nắm vững nội dung tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế.  - Nắm vững quan điểm của Đảng về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế ở Việt Nam.  - Năng lực tổ chức đánh giá thực trạng thực hiện đường lối của Đảng về công bằng xã hội; giảm nghèo bền vững; thực trạng chuyển hóa thành quả tăng trưởng kinh tế vào các mặt của đời sống xã hội như giáo dục, y tế, tuổi thọ... ở Việt Nam (địa phương).  - Vận dụng các quan điểm của Đảng về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội vào thực tiễn đời sống xã hội cũng như tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế xã hội trong thực tiễn.  - Đánh giá được những kết quả tích cực, phát hiện vấn đề (những hạn chế, bất cập) trong thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế ở Việt Nam (địa phương). | - Viết thu hoạch  - Thi viết  - Thi vấn đáp |
| ***- Về kỹ năng:***  Đánh giá được thực trạng, phát hiện được những vấn đề cần giải quyết và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng về tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế. |
| ***- Về thái độ/Tư tưởng:***  Có thái độ rõ ràng, sẵn sàng tham gia đóng góp ý kiến và sức lực vào việc xây dựng, thực hiện các chính sách thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế |

**5. Tài liệu học tập** *(Phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung bài giảng/chuyên đề và ghi rõ chương/mục/trang)*

***5.1. Tài liệu phải đọc*** *(tối đa 03 tài liệu)*

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình Kinh tế phát triển, Nxb Lý luận Chính trị, H.20121

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, NXB Chính trị quốc gia sự thật, H.2021, tr. 39, 147-152; 263-273.

***5.2. Tài liệu tham khảo***

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, H.1996, tr85; 113.

(2) Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**6. Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU HỔI CỐT LÕI (Bài giảng phải giải quyết)** | **NỘI DUNG** | **CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH** |
| **Câu 1:** Tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế bao gồm những nội dung nào? | **1. NỘI DUNG TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ**  **1.1. Bản chất tiến bộ xã hội; công bằng xã hội**  ***- Tiến bộ xã hội***  + Tiến bộ xã hội là là một phạm trù dùng để chỉ quá trình phát triển của xã hội loài người từ thấp đến cao. Tiến bộ xã hội sẽ dẫn đến sự thay thế hình thái kinh tế xã hội này bằng hình thái kinh tế xã hội khác cao hơn.  + Tiêu chuẩn tối cao của tiến bộ xã hội là trình độ giải phóng con người – là sự phát triển tự do và toàn diện cho mỗi thành viên trong xã hội.  ***- Công bằng xã hội***  + Công bằng xã hội là phạm trù dùng để chỉ sự đối xử hợp lý nhất với mỗi cá nhân, nhóm người, được đại đa số thành viên trong xã hội thừa nhận  + Công bằng xã hội được xét trên nhiều yếu tố: kinh tế, chính trị, văn hóa...  **1.2. Nội dung của tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế**  ***- Nâng cao mức sống dân cư:***  + Nâng cao mức sống dân cư là đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất, tinh thần của người dân thông qua các chính sách phân phối thu nhập và phúc lợi xã hội. Nội dung nâng cao mức sống dân cư bao gồm:  + Nâng cao thu nhập  + Thay đổi cơ cấu tiêu dùng nhằm thỏa mãn ngày càng tốt hơn các nhu cầu của con người  + Cải thiện điều kiện làm việc  + Nâng cao điều kiện sinh hoạt văn hóa, tinh thần, đảm bảo sức khỏe…  ***- Nâng cao trình độ phát triển con người:***  + Nâng cao trình độ phát triển con người là quá trình thay đổi mọi mặt của con người theo hướng tiến bộ, bao gồm: hoạt động, nhu cầu, năng lực, cá tính và các quan hệ xã hội…của con người  + Để nâng cao trình độ phát triển con người, phải đảm tăng trưởng nhanh với chất lượng tăng trưởng cao. Đồng thời không ngừng chuyển hóa kết quả tăng trưởng kinh tế đến các vấn đề văn hóa - xã hội thông qua việc đầu tư phát triển giáo dục, phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân.  + Trình độ phát triển con người được phản ảnh thông qua chỉ số phát triển con người (HDI)  ***- Thực hiện giảm nghèo***  + Là việc nâng cao mức sống cho người nghèo vượt quá chuẩn nghèo ở mỗi giai đoạn cụ thể. Để thực hiện giảm nghèo bền vững, cần tạo điều cho người nghèo tiếp cận các nguồn lực và cơ hội phát huy và phát triển năng lực bản thân.  + Để đánh giá kết quả giảm nghèo, người ta thường sử dụng cá tiêu chí nghèo đơn chiều (nghèo thu nhập) và nghèo đa chiều.  ***- Thực hiện công bằng xã hội:***  + Công bằng xã hội được thể hiện ở cả khâu phân phối tư liệu sản xuất, phân phối cơ hội phát triển và cả khâu phân phối kết quả sản xuất. công bằng xã hội được thực hiện thông qua việc phân phối lần đầu và phân phối lại thu nhập.  + Hiện nay, để đánh giá thực hiện công bằng xã hội, trên thế giới vấn đang chủ yếu đánh giá mức độ công bằng trong phân phối lợi ích vật chất (thu nhập).  + Các chỉ tiêu liên quan đến để đánh giá bao gồm: đường cong Lorenz và hệ số Gini; hệ số giãn cách thu nhập; tiêu chuẩn bốn mươi phần trăm…  **1.3. Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội**  ***- Tác động tích cực giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội***  + Tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội  + Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế  ***- Tác động tiêu cực (có thể xẩy ra) giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ công bằng xã hội***  + Quá đề cao mục tiêu tăng trưởng kinh tế sẽ dẫn đến những hậu quả về xã hội, môi trường: Phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng thu nhập gia tăng; Bất ổn xã hội; Cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường  + Quá đề cao mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội trong điều kiện tiềm lực kinh tế của nhà nước hạn hẹp sẽ làm ảnh hưởng đến động lực tăng trưởng kinh tế | *1. Câu hỏi trước giờ lên lớp*:  - Đồng chí hiểu như thế nào là tiến bộ, công bằng xã hội?  - Tăng trưởng kinh tế với tiến bộ công bằng xã hội có tác động tích cực và tiêu cực lẫn nhau như thế nào?  - Quan điểm của Đảng ta về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế?  - Việt Nam đạt được thành tựu gì trong thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế?  *2. Câu hỏi sau giờ lên lớp*:  - Tại sao phải giải quyết hài hòa mục tiêu tăng trưởng kinh tế và mục tiêu xã hội?  - Đồng chí có thể đề xuất giải pháp gì để giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở địa phương nhằm gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội?  - Đồng chí làm gì để bảo vệ luận điểm: “Gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển thể hiện tính ưu việt của xã hội ở Việt Nam”? |
| **Câu 2**: Đảng Cộng sản Việt Nam có quan điểm như thế nào về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế? | **2. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ**  **2.1. Quan điểm về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế**  **- *Về giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội*:**  + Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường là một trong mười mối quan hệ lớn cần phải nắm vững và xử lý tốt.  + Gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay từ đầu, trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển.  **- *Về cách thức thực hiện công bằng xã hội*:**  + Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn cả khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình...  + Công bằng xã hội được thể hiện qua việc cơ hội lựa chọn và tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh; công bằng trong việc tiếp cận các nguồn lực sản xuất như: vốn, tư liệu sản xuất, đất đai, công nghệ...; công bằng trong phân phối kết quả sản xuất bao gồm phân phối lần đầu và phân phối lại  + Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. Thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư  ***- Về hình thức phân phối:***  + Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình  + Đảng ta chủ trương thực hiện công bằng trong phân phối bao gồm: phân phối thu nhập, lợi nhuận dựa trên mức đóng góp về các nguồn lực và hoạt động lao động, sản xuất kinh doanh; phân phối lại thông qua chính sách điều tiết, chính sách phúc lợi xã hội để thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với các đối tượng, tầng lớp yếu thế trong xã hôi; đặc biệt phân phối cơ hội, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy tốt nhất năng lực bản thân.  - ***Về huy động nguồn lực để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội:***  + Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong huy động các nguồn lực  + Khuyến khích mọi người dân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội tham gia đóng góp  + Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, nhân hậu, thủy chung.  **2.2. Chính sách thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế**  ***- Về nâng cao mức sống dân cư:***  + Đổi mới cơ chế vận hành nền kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế...nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, ổn định và hiệu quả  + Các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách an sinh xã hội.  - ***Về Nâng cao trình độ phát triển con người:***  *+* Chương trình mục tiêu quốc gia về dân số và y tế  + Đổi mới toàn diện, triệt để giáo dục và đào tạo  + Chính sách an sinh xã hội  + Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới  + Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn  ***- Về giảm nghèo***:  + Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; chương trình 135; chương trình hỗ trợ huyện nghèo; Chương trình Mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.  **- *Về thực hiện công bằng xã hội*:**  + Phân phối lại thông qua phúc lợi xã hội, an sinh xã hội,  + Thu hẹp khoảng cách về mức sống, trình độ phát triển thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia  **- *Các nhiệm vụ, giải pháp lớn:***  + Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế  + Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế nhằm tăng trưởng nhanh và ổn định  + Hoàn thiện và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia  + Thực hiện các giải pháp tăng trưởng bao trùm để không ai bị bỏ lại phía sau |
| **Câu 3**: Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần phải làm gì để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế? | **3. VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**  **3.1. Những kết quả tích cực và vấn đề đặt ra trong thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế ở địa phương/ngành**  - Về thực hiện gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội  - Về thực hiện các nội dung tiến bộ và công bằng xã hội  + Về mức sống dân cư  + Về phát triển con người  + Về Giảm nghèo bền vững  + Về thực hiện công bằng xã hội  - Về nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý  **3.2. Giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế trong thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở địa phương/ngành**  - Về nhận thức  - Về tổ chức thực hiện |

**7. Yêu cầu với học viên** *(Nêu rõ các hoạt động người học phải thực hiện phù hợp với chuẩn đầu ra, nội dung, hình thức tổ chức dạy học và yêu cầu đánh giá của bài giảng đã tuyên bố).*

- Đọc các tài liệu và trả lời được các câu hỏi trước giờ lên lớp.

**- Tập trung nghe giảng, tích cực tham gia trả lời các câu hỏi, tham gia đối thoại, đóng góp ý kiến, thảo luận.**

**- Liên hệ nội dung bài giảng với thực tiễn địa phương (ngành) học viên đang công tác.**

**IV. Bài giảng 4**

**1. Tên chuyên đề: Các nguồn lực trong phát triển kinh tế**

**2. Số tiết lên lớp: 10**

**3. Mục tiêu:** Bài giảng/chuyên đề này sẽ trang bị/cung cấp cho học viên:

***- Về kiến thức***: Cơ sở lý luận của đường lối về quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế.

***- Về kỹ năng***: Phát hiện những vấn đề cần giải quyết trong tổ chức thực hiện đường lối của Đảng về quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế.

***- Về tư tưởng***: Cũng cố niềm tin khoa học vào đường lối của Đảng về quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế.

**4. Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHUẨN ĐẦU RA (Sau khi kết thúc bài giảng này học viên có thể đạt được)** | **ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC** | |
| **YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ** | **HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ** |
| ***\* Về kiến thức:***  Phân tích được vai trò của các nguồn lực đối với tăng trưởng, phát triển kinh tế; hiểu được cơ chế và nguyên tắc phân bổ nguồn lực; nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong phát triển kinh tế. | - Phân tích được vai trò của các nguồn lực đối với phát triển kinh tế.  - Hiểu được cơ chế và nguyên tắc phân bổ nguồn lực  - Nắm được quan điểm, mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp do Đảng đề ra nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực phát triển kinh tế  - Đánh giá được thực trạng huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực (lao động, khoa học công nghệ, vốn, tài nguyên thiên nhiên) của Việt Nam (địa phương, ngành).  - Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực.  - Đề xuất được những giải pháp nhằm huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong phát triển kinh tế Việt Nam (địa phương, ngành). | - Viết thu hoạch  - Thi viết  - Thi vấn đáp |
| ***\* Về kỹ năng:***  Đánh giá được thực trạng, phát hiện được những vấn đề cần giải quyết trong thực tiễn thực hiện đường lối của Đảng về quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế. |
| ***\* Về thái độ/Tư tưởng:***  Có thái độ rõ ràng, sẵn sàng tham gia đóng góp ý kiến và sức lực vào việc xây dựng, thực hiện các chính sách huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực phát triển kinh tế. |

**5. Tài liệu học tập** *(Phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung bài giảng/chuyên đề và ghi rõ chương/mục/trang)*

**5.1. Tài liệu phải đọc** *(tối đa 03 tài liệu)*

(1) Học viện Chính trị quốc gia Hồ chí Minh, *Giáo trình kinh tế phát triển*, Nxb Lý luận chính trị, H.2021.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, H.2021, Tập I, trang: 62-67; 82-87; 113-114; 136-147; 152-155; 220-222; 226-262; 273-276; Tập II, trang: 31-51; 95-97; 121-145

(3) Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019, *về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.*

**5.2. Tài liệu tham khảo**

(1) Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019*về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030*

(2).Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 130/QĐ – *TTg ngày 27/1/2021, Ban hành chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030*

**6. Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU HỔI CỐT LÕI (Bài giảng phải giải quyết)** | **NỘI DUNG** | **CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH** |
| **Câu 1**: Chủ trương của Đảng về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực trong phát triển kinh tế dựa trên cơ sở lý luận nào? | **1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÁT HUY CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ**  **1.1. Nhận thức về nguồn lực phát triển kinh tế**  **- Nguồn lực phát triển kinh tế bao gồm các yếu tố vật thể và phi vật thể; trong và ngoài nước, có thể khai thác, sử dụng nhằm thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế**  **+ Nguồn lực bao gồm các yếu tố vật thể và phi vật thể**  **+ Nguồn lực thuộc sở hữu hoặc không thuộc sở hữu của người sử dụng**  **+ Nguồn lực quyết định tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế**  **+ Nguồn lực là điều kiện để nền kinh tế phát triển chủ động, ổn định**  **+ Nguồn lực là căn cứ xác định chiến lược, kế hoạch và cơ cấu kinh tế**  **1.2. Cơ chế và nguyên tắc phân bổ nguồn lực**  ***- Cơ chế phân bổ các nguồn lực***  **+ Phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường là việc phân bổ mà quy mô, phương hướng phân bổ nguồn lực do lợi nhuận chi phối**  **+ Ưu điểm của phân bổ nuồn lực theo cơ chế thị trường là nguồn lực được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả**  **+ Hạn chế là có thể gây ra những hiệu ứng tiêu cực về xã hội và môi trường như: bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận nguồn lực; phân hóa giàu nghèo; cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường.**  **- Phân bổ nguồn lực theo kế hoạch nhà nước: là phương hướng, quy mô phân bổ nuồn lực được xác định theo kế hoạch của nhà nước**  **+ Ưu điểm là thực hiện được các mục tiêu chủ đích trong quản lý, tạo cơ hội bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực**  **+ Hạn chế là dễ bị chi phối chủ quan của người ra quyết định; có thể phát sinh tiêu cực**  ***- Nguyên tắc phân bổ nguồn lực***  **+ Nguyên tắc hiệu quả: Để đạt được hiệu quả cao trong phân bổ, sử dụng các nguồn lực thì phải lấy thị trường làm căn cứ. Nói cách khác, thị trường đóng vai trò chủ yếu trong phân bổ và sử dụng các nguồn lực**  **+ Nguyên tắc tổng thể: Yêu cầu việc phân bổ, sử dụng các nguồn lực phải đạt được các mục tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường cũng như tầm nhìn dài hạn. Muốn vậy, cần có sự điều tiết của nhà nước trong phân bổ nguồn lực**  **+ Nguyên tắc công bằng: Các chủ thể trong nền kinh tế thị trường có quyền lợi và trách nhiệm như nhau trong việc sử dụng các nguồn lực quốc gia. Tránh những sự ưu tiên quá mức đối với những trường hợp cụ thể, dẫn đến làm méo mó môi trường kinh doanh cũng như việc phải loại bỏ tuyệt đối cơ chế xin cho trong phân bổ các nguồn lực.**  **1.3. Các nguồn lực vật chất chủ yếu trong phát triển kinh tế**  ***- Nguồn lao động với phát triển kinh tế***  + Khái niệm  + Vai trò  + Các nhân tố ảnh hưởng  **- *Khoa học công nghệ với phát triển kinh tế***  + Khái niệm  + Vai trò  + Mối quan hệ giữa khoa học và công nghệ  ***- Vốn với phát triển kinh tế***  + Khái niệm  + Vai trò  + Các nguồn hình thành vốn đầu tư  ***- Tài nguyên thiên nhiên với phát triển kinh tế***  + Khái niệm  + Vai trò  + Mối quan hệ giữa khai thác, sử dụng tài nguyên với môi trường trong phát triển | *1. Câu hỏi trước giờ lên lớp*:  - Nguồn lực phát triển kinh tế là gì?  - Nghiên cứu đặc điểm của các nguồn lực nhằm mục đích gì?  - Các nguồn lực có vai trò như thế nào đối với tăng trưởng, phát triển kinh tế?  - Thế nào là phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường, cơ chế kế hoạch của Nhà nước?  - Những ưu, nhược điểm của phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường, cơ chế kế hoạch?  - Đảng ta có quan điểm như thế nào trong việc thực hiện nguyên tắc phân bổ nguồn lực?  - Đảng ta có quan điểm như thế nào về phát triển nguồn nhân lực; khoa học và công nghệ?  - Đảng ta có quan điểm như thế nào về khai thác, sử dụng tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường?  - Đảng ta có quan điểm như thế nào về huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư?  ***2. Câu hỏi sau giờ lên lớp*:**  - Những vấn đề gì cần giải quyết ở Việt Nam (địa phương nơi người học công tác) nhằm huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực: Nhân lực, vốn, tài nguyên thiên nhiên, khoa học và công nghệ?  - Đồng chí làm gì để bảo vệ quan điểm: “Thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực” được nêu trong Văn kiện Đại hội XIII? |
| **Câu 2:** Đảng Cộng sản Việt Nam có quan điểm như thế nào về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực phát triển kinh tế? | **2. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÁT HUY CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ**  **3.1. Quan điểm chung về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực**  - Quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế cho phát triển đất nước là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân.  - Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay để khắc phục các tồn tại, yếu kém của nền kinh tế.  - Đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hoá, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước.  + Áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển. Đẩy mạnh kinh tế hoá nguồn vật lực, trong đó tập trung vào nguồn lực tài nguyên thiên nhiên. Tập trung khai thác tối đa tiềm năng khoa học và công nghệ cho phát triển kinh tế - xã hội.  - Kiểm kê, đánh giá đầy đủ, thực chất các nguồn lực của nền kinh tế là cơ sở quan trọng để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.  - Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực của đất nước và hủy hoại môi trường.  **3.2. Quan điểm về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực chủ yếu**  ***- Quan điểm phát triển sử dụng nguồn nhân lực***  + Phát huy nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển  + Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác đào tạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài…  + Giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội…huy động tốt nhất nguồn lực lao động để phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.  ***- Quan điểm phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số***  + Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là quốc sách hàng đầu, đóng vai trò đột phá chiến lược trong giai đoạn mới; là động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả; là nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia…  + Phát triển đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ…  + Kết hợp hài hòa, hiệu quả giữa phát triển năng lực nội sinh với tận dụng tối đa cơ hội, nguồn lực bên ngoài, ưu tiên tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng nhanh chóng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, đặc biệt là chủ động, tích cực tiếp cận và khai thác triệt để những cơ hội và thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư…  ***- Quan điểm huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư***  + Huy động tối đa mọi nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế, trong đó nguồn vốn trong nước là quyết định; nguồn vốn ngoài nước là quan trọng  + Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong phân bổ, sử dụng các nguồn vốn.  + Hiệu quả sử dụng các nguồn vốn phải được đặt lên hàng đầu.  - Quan điểm sử dụng tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường.  + Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả quản lý, khai thác tài nguyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.  + Đẩy mạnh điều tra, đánh giá trữ lượng, giá trị kinh tế của các nguồn tài nguyên thiên nhiên.  + Sử dụng hiệu quả tài nguyên nhiên, hạn chế tiến tới chấm dứt xuất thô tài nguyên.  + Đẩy mạnh việc phát triển, sử dụng các nguyên liệu, năng lượng tái tạo thay thế tài nguyên truyền thống  **3.3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**  ***- Đối với nguồn nhân lực***  + Nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế về phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực Việt Nam.  + Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực  + Hoàn thiện thể chế phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả  ***- Đối với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số***  **+** Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.  + Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội và nhân văn để có cơ sở khoa học phục vụ tốt nhất sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, xã hội.  + Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia.  + Đổi mới mạnh mẽ cơ chế hoạt động nghiên cứu, quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo thuận lợi cho nghiên cứu, chuyển giao phù hợp với cơ chế thị trường, nâng cao tính tự chủ của các đơn vị nghiên cứu khoa học, công nghệ công lập.  + Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Phát triển doanh nghiệp khoa học, công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao.  + Phát triển mạnh thị trường khoa học, công nghệ gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ. + Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đa dạng hóa đối tác, lựa chọn đối tác chiến lược là các quốc gia có nền khoa học, công nghệ tiên tiến.  - ***Đối với tài nguyên thiên nhiên***  + Hoàn thiện hệ thống luật pháp thúc đẩy xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể hoá quan điểm kinh tế hoá tài nguyên khoáng sản.  + Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đa dạng hoá nguồn lực phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.  + Sửa đổi, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách tạo khung khổ pháp lý điều chỉnh hạn điền, thực hiện tích tụ tập trung ruộng đất để cơ cấu lại ngành nông nghiệp.  + Tiếp tục nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng rừng. Triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng.  + Xây dựng chiến lược phát triển tổng hợp kinh tế biển; phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển.  + Điều tra, đánh giá đầy đủ tiềm năng, trữ lượng tài nguyên khoáng sản; áp dụng phương pháp tiên tiến trong quản trị tài nguyên khoáng sản.  + Đẩy mạnh công tác thăm dò, đánh giá tiềm năng nước mặt và nước ngầm. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành cấp nước có tính tới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.  ***- Đối với nguồn vốn đầu tư***  + Thực hiện nghiêm Luật ngân sách nhà nước tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành.  + Thực hiện chính sách tài khoá chặt chẽ, phối hợp đồng bộ với chính sách tiền tệ. Phấn đấu từng bước giảm tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước, tiến tới cân bằng thu - chi.  + Điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả chính sách tiền tệ, phối hợp có hiệu quả với chính sách tài khoá và các chính sách khác để kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế.  +  Hoàn thiện thể chế phát triển thị trường chứng khoán; xây dựng Luật Chứng khoán sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thực hiện nhằm phát triển đồng bộ thị trường vốn, thị trường chứng khoán thành kênh huy động vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển.  + Giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn thu từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, bảo đảm đúng quy định, hiệu quả. |
| **Câu 3:** Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần phải làm gì để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực phát triển kinh tế? | **3. VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN LỰC**  **3.1. Những kết quả tích cực và vấn đề đặt ra trong việc khai thác, huy động, sử dụng các nguồn lực phát triển kinh tế ở địa phương/ngành**  **- Đối với nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực**  **- Đối với phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**  **- Đối với việc thu hút, sử dụng các nguồn vốn đầu tư**  **- Đối với việc khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường**  **- Về nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý**  **3.2. Các giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực ở địa phương/ngành**  **- Về nhận thức**  **- Về quản lý, khai thác, phân bổ, sử dụng các nguồn lực** |

**7. Yêu cầu với học viên** *(Nêu rõ các hoạt động người học phải thực hiện phù hợp với chuẩn đầu ra, nội dung, hình thức tổ chức dạy học và yêu cầu đánh giá của bài giảng đã tuyên bố).*

- Đọc các tài liệu và trả lời được các câu hỏi trước giờ lên lớp.

**- Tập trung nghe giảng, tích cực tham gia trả lời các câu hỏi, tham gia đối thoại, đóng góp ý kiến, thảo luận.**

**- Liên hệ nội dung bài giảng với thực tiễn địa phương (ngành) học viên đang công tác.**

**V. Bài giảng 5**

**1. Tên bài:** **Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lại nền kinh tế Việt Nam**

**2. Số tiết lên lớp: 5 tiết**

**3. Mục tiêu:** Chuyên đề này sẽ trang bị cho học viên:

***- Về kiến thức***: Nội dung cơ cấu lại nền kinh tế Vệt Nam; Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về cơ cấu lại nền kinh tế hiện nay.

***- Kỹ năng:***Đánh giá thực trạng, phát hiện những vấn đề cần giải quyết trong tổ chức thực hiện đường lối của Đảng về cơ cấu lại nền kinh tế Việt Nam/Địa phương.

***- Thái độ:*** Cũng cố lập trường, bản lĩnh chính trị, niềm tin khoa học vào đường lối của Đảng về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng.

**4. Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHUẨN ĐẦU RA (Sau khi kết thúc bài giảng này học viên có thể đạt được)** | **ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC** | |
| **YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ** | **HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ** |
| ***\* Về kiến thức:***  Nắm vững nội dung cơ cấu lại nền kinh tế; Quan điểm, đường lối của Đảng về cơ cấu lại nền kinh tế Việt Nam hiện nay. | - Khái quát những vấn đề lý luận về cơ cấu kinh tế và cơ cấu lại nền kinh tế.  - Nắm vững quan điểm của Đảng về cơ cấu lại nền kinh tế  - Phát hiện những bất cập về cơ cấu kinh tế ở địa phương (ngành) nơi người học công tác.  - Tổ chức thực hiện chính sách cơ cấu lại nền kinh tế ở địa phương, ngành | - Viết thu hoạch  - Thi viết  - Thi vấn đáp |
| ***- Về kỹ năng:***  Đánh giá được thực trạng, phát hiện được những vấn đề cần giải quyết trong thực tiễn thực hiện đường lối của Đảng về cơ cấu lại nền kinh tế. |
| ***- Về thái độ/Tư tưởng:***  Có thái độ rõ ràng, sẵn sàng tham gia đóng góp ý kiến và sức lực vào việc xây dựng, tổ chức thực hiện các chính sách cơ cấu lại nền kinh tế. |

**5. Tài liệu học tập** *(Phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung bài giảng/chuyên đề và ghi rõ chương/mục/trang)*

***5.1. Tài liệu phải đọc*** *(tối đa 03 tài liệu)*

(1) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), Giáo trình Kinh tế phát triển, Nxb Lý luận chính trị , Hà Nội, tr.103-133

(2) Đảng cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tập 1, Trang: 114-115, 120-128, 218-219, 226-227, 234-249; Tập II, Trang: 17-18, 61-67, 104-114

(3) Quốc hội (2021), Nghị quyết số 31/2021/QH15 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025

***5.2. Tài liệu tham khảo***

(1) Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 339/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Tổng thể tái cơ cấu kinh tế vắn với đổi mới mô hình tăng trường theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020.

(2) Quốc hội (2016), Nghị quyết số 24/2016/QH14 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020.

(3) Đảng cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. CTQGST, H.2021, tr.90

**6. Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU HỔI CỐT LÕI (Bài giảng phải giải quyết)** | **NỘI DUNG** | **CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH** |
| **Câu 1**: Cơ cấu lại nền kinh tế bao gồm những nội dung nào? | **1. NỘI DUNG CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ**  **1.1. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lại nền kinh tế**  ***- Cơ cấu kinh tế***  ***- Cơ cấu lại nền kinh tế***  + Cơ cấu lại nền kinh tế là sắp xếp lại, làm thay đổi toàn bộ cấu trúc của nền kinh tế trên một quy mô lớn, trong một thời gian tương đối ngắn nhằm hình thành một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả.  + Công cụ sử dụng trong cơ cấu lại nền kinh tế có thể bao gồm cơ chế, chính sách, đòn bẩy kinh tế  ***- Nội dung cơ cấu lại nền kinh tế:***  + Cơ cấu lại các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ) và cơ cấu lại nội các ngành kinh tế  + Cơ cấu lại các đầu tư  + Cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp  + Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, các kênh huy động vốn trong nền kinh tế  + Cơ cấu lại các vùng kinh tế  + Cơ cấu lại việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực phát triển kinh tế  + Cơ cấu lại các loại thị trường: Hàng hóa dịch vụ, lao động, tài chính, bất động sản, khoa học và công nghệ  + Cơ cấu lại các cơ sở nghiên cứu khoa học công lập, các trường đại học, cao đẳng  + Cơ cấu lại cấu trúc công nghệ của nền kinh tế  ***- Tiêu chí đánh giá kết quả của cơ cấu lại nền kinh tế****:*  + Cơ cấu kinh tế: được xét trên tỷ lệ đóng góp vào GDP của các ngành, lĩnh vực, bộ phận…cấu thành nên kinh tế  + Hiệu quả sử dụng nguồn lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế (năng suất, chất lượng, hiệu quả…)  **1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu kinh tế và cơ cấu lại nền kinh tế**  ***- Các nhân tố tự nhiên***  + Vị trí địa lý  + Tài nguyên khoáng sản  + Thời tiết khí hậu  - Các nhân tố bên trong  + Thị trường và nhu cầu nội địa  + Trình độ sản xuất của nền kinh tế  + Cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế  ***- Các nhân tố bên ngoài***  + Xu hướng chính trị thế giới và khu vực  + Thị trường thế giới và khu vực  + Toàn cầu hóa và hội nhập  + Sự phát triển của khoa học và công nghệ | ***1. Câu hỏi trước giờ lên lớp*:**  - Thế nào là cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lại nền kinh tế?  - Những nhân tố nào ảnh hưởng đến việc hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia, địa phương?  - Tại sao Việt Nam phải cơ cấu lại nền kinh tế?  - Đảng ta có quan điểm như thế nào về cơ cấu lại nền kinh tế hiện nay?  - Nội dung cốt lõi trong đổi mới tư duy của Đảng ta về cơ cấu kinh tế tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI là gì?  ***2. Câu hỏi sau giờ lên lớp*:**  - Tại sao xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế là: Tỷ trọng trong GDP và tỷ trọng lao động của ngành nông nghiệp giảm xuống, tỷ trọng tương ứng của ngành dịch vụ tăng lên?  - Những điểm mới cơ bản trong tư duy của Đảng về cơ cấu kinh tế từ Đại hội VII đến Đại hội XIII là gì?  - Việc cơ cấu lại nền kinh tế ở địa phương (nơi học viên công tác) đang còn những bất cập, hạn chế nào? Làm gì để khắc phục những bất cập, hạn chế đó?  - Đồng chí làm gì để khẳng định chủ trương cơ cấu lại nền kinh tế Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn? |
| **Câu hỏi 2**: Đảng Cộng sản Việt Nam có quan điểm như thế nào về cơ cấu lại nền kinh tế Việt Nam? | **2. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ**  **2.1. Quá trình phát triển tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về cơ cấu kinh tế**  - Tư duy cơ cấu kinh tế hành chính, hiện vật theo mô hình Liên Xô  - Đổi mới tư duy về cơ cấu kinh tế tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI  - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa  - Cơ cấu lại nền kinh tế bắt đầu từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI  **2.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về cơ cấu lại nền kinh tế hiện nay**  - Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng bảo đảm ổn định vĩ mô, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế tự chủ, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế.  - Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở kế thừa và phát triển, vừa toàn diện vừa có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực có dư địa lớn và khả năng bắt kịp, tiến cùng, vượt lên ở khu vực, thế giới và 03 lĩnh vực quan trọng là cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính, trọng tâm là các tổ chức tín dụng; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.  - Cơ cấu lại nền kinh tế với đột phá chiến lược về hoàn thiện thể chế phát triển, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát huy vai trò, tiềm năng, thế mạnh kinh tế đô thị, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn, thúc đẩy liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn.  - Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, trong đó nguồn lực bên trong là chiến lược, cơ bản, lâu dài, quyết định; nguồn lực bên ngoài là quan trọng.  - Phát huy cao độ yếu tố con người, giá trị văn hóa, truyền thống, lịch sử, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết của dân tộc gắn với khai thác tối đa các cơ hội, thuận lợi và phù hợp xu thế phát triển trên thế giới, không để lỡ nhịp trong xu hướng hồi phục kinh tế thế giới cũng như quá trình tái cấu trúc chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.  **2.3. Nội dung cơ cấu lại nền kinh tế Việt Nam theo tinh thần Đại hội XIII**  - Cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công  - Cơ cấu lại, phát triển lành mạnh các loại thị trường nhất là thị trường các yếu tố sản xuất nhằm huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển  - Cơ cấu lại thị trường tài chính - tiền tệ, đáp ứng yêu cầu huy động và sử dụng vốn có hiệu quả  - Cơ cấu lại thu – chi ngân sách nhà nước đảm bảo an toàn nợ công  - Cơ cấu lại thị trường bất động sản, đất đai, tài nguyên nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia  - Cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ theo hướng tập trung vào các lĩnh vực cơ tiềm năng, lợi thế, nhiều hàm lượng khoa học và công nghệ, có giá trị gia tăng cao  - Cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước  - Cơ cấu lại các vùng kinh tế |
| **Câu hỏi 3**: Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần phải làm gì để đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế? | **3. VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG THỰC HIỆN CHỦ TRƯƠNG CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ**  **3.1. Những ưu điểm và vấn đề đặt ra trong cơ cấu lại nền kinh tế ở địa phương/ngành**  ***- Về cơ cấu lại ngành/lĩnh vực kinh tế***  + Cơ cấu lại ngành nông nghiệp  + Cơ cấu lại ngành công nghiệp  + Cơ cấu lại ngành dịch vụ  ***- Về cơ cấu lại các trọng tâm***  + Cơ cấu lại đầu tư công  + Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước  + Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng  + Cơ cấu lại các loại thị trường  + Cơ cấu lại lao động  ***- Về nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý***  **3.2. Những giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế nhằm đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế ở địa phương/ngành**  *- Về nhận thức*  *- Về tổ chức thực hiện* |

**7. Yêu cầu với học viên** *(Nêu rõ các hoạt động người học phải thực hiện phù hợp với chuẩn đầu ra, nội dung, hình thức tổ chức dạy học và yêu cầu đánh giá của bài giảng đã tuyên bố).*

- Đọc các tài liệu và trả lời được các câu hỏi trước giờ lên lớp.

**- Tập trung nghe giảng, tích cực tham gia trả lời các câu hỏi, tham gia đối thoại, đóng góp ý kiến, thảo luận.**

**- Liên hệ nội dung bài giảng với thực tiễn địa phương (ngành) học viên đang công tác.**

**VI. Bài giảng 6**

**1. Tên chuyên đề: Nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam**

**2. Số tiết lên lớp: 5 tiết**

**3. Mục tiêu:** Chuyên đề này sẽ trang bị cho học viên:

***- Về kiến thức:*** Vị trí, vai trò và xu hướng phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam ***.***

***- Kỹ năng:***Phát hiện những vấn đề cần giải quyết trong tổ chức thực hiện đường lối của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

***- Thái độ:*** Cũng cố lập trường, bản lĩnh chính trị, niềm tin khoa học vào đường lối của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

**4. Chuẩn đầu ra và đánh giá người học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHUẨN ĐẦU RA (Sau khi kết thúc bài giảng này học viên có thể đạt được)** | **ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC** | |
| **YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ** | **HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ** |
| ***- Về kiến thức:***  Nắm vững vị trí, vai trò và xu hướng vận động, phát triển của nông nghiệp, dân và nông thôn; Quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam hiện nay. | - Phân tích được những xu hướng vận động của nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam.  - Nắm vững quan điểm của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.  - Đánh giá thực trạng nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam (địa phương)  - Tổ chức thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam.  - Phản biện và tư vấn xây dựng chính sách đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam*.* | - Viết thu hoạch  - Thi viết  - Thi vấn đáp |
| ***- Về kỹ năng:***  Đánh giá được thực trạng, phát hiện được những vấn đề cần giải quyết trong thực tiễn thực hiện đường lối của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn |
| ***\* Về thái độ/Tư tưởng:***  Có thái độ rõ ràng, sẵn sàng tham gia đóng góp ý kiến và sức lực vào việc xây dựng, tổ chức thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn |

**5. Tài liệu học tập** *(Phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung bài giảng/chuyên đề và ghi rõ chương/mục/trang)*

***5.1. Tài liệu phải đọc*** *(tối đa 03 tài liệu)*

(1) Học viện Chính trị quốc gia Hồ chí Minh, *Giáo trình kinh tế phát triển*, Nxb Lý luận chính trị, H.2021

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, H.2021, H.2021. Tập I, tr. 44, 113 ; Tập II, tr. 107-108.

(3) ĐCSVN: Nghị quyết số 19- NQ/TW, Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(4) ĐCSVN: Nghị quyết số 26- NQ/TW ngày 5-8-2008 Hội nghị lần thứ bảy BCH Trung ương khóa X về nông nghiệp nông dân nông thôn.

***5.2. Tài liệu tham khảo***

(1) TTgCP: Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/2/2021: Phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

(2) TTgCP: Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022: Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

(3) TTgCP: Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022: Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**6. Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU HỔI CỐT LÕI (Bài giảng phải giải quyết)** | **NỘI DUNG** | **CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH** |
| **Câu 1**: Nông nghiệp, nông dân và nông thôn có vị trí, vai trò và xu hướng phát triển như thế nào? | **1. VỊ TRÍ, VAI TRÒ VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN**  **1.1. Vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tiến trình phát triển kinh tế xã hội**  ***- Nhận diện nông nghiệp, nông dân và nông thôn***  *+ Nông nghiệp*  *+ Nông dân*  *+ Nông thôn*  ***- Đặc điểm của nông của nông nghiệp, nông dân, nông thôn***  ***- Vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn***  **1.2. Xu hướng vận động, phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn**  ***- Xu hướng phát triển nông nghiệp***  + Nông nghiệp công nghệ cao  + Nông nghiệp hữu cơ  + Khởi nghiệp, sáng tạo trong nông nghiệp  + Nông nghiệp sinh thái  ***- Xu hướng phát triển giai cấp nông dân* *văn minh***  + Nông dân chuyên nghiệp  + Nông dân phát triển toàn diện  + Nông dân là chủ thể thực sự của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.  ***- Xu hướng phát triển nông thôn hiện đại***  + Nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu  + Kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng hiện đại  + Gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa | ***1. Câu hỏi trước giờ lên lớp*:**  - Thế nào là nông nghiệp, nông dân, nông thôn?  - Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có đặc điểm, vai trò như thế nào?  - Đảng ta có quan điểm như thế nào về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn?  ***2. Câu hỏi sau giờ lên lớp*:**  - Những vấn đề gì cần giải quyết trong giai đoạn hiện nay để thúc đẩy nông nghiệp, nông dân, nông thôn phát triển?  - Đồng chí hãy chỉ ra những bất cập, hạn chế trong phát triển nông nghiệp, nông thôn nơi đồng chí công tác và đề xuất giải pháp khắc phục bất cập, hạn chế đó?  - Đồng chí làm gì để khẳng định sự đúng đắn của đường lối phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam? |
| **Câu 2**: Đảng Cộng sản Việt Nam có quan điểm như thế nào về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn? | **2. QUAN ĐIỂM ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN**  **2.1. Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**  **-** Chỉ thị 100 – CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư TW Đảng chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp  - Đại hội VI: Nông nghiệp là mặt trện hàng đầu; thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: Lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.  - Nghị quyết 10 – NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp: Xác lập chức năng kinh tế của hộ gia đình nông dân.  - Đại hội VII: Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ hàng đầu; tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.  - Đại hội IX: Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010; Xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp vừa và nhỏ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.  - Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn: Xác định vị trí chiến lược của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; xác định mục tiêu và 08 giải pháp, nhiệm vụ lớn.  - Đại hội XI: Cơ cấu lại nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế.  - Đại hội XI: Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp.  - Đại hội XIII: Xây dựng nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam theo hướng nông nghiệ sinh thái, nông dân văn minh, nông thôn hiện đại.  **2.2. Quan điểm của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn**  - ***Quan điểm về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn***  + Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là ba thành tố có quan hệ mật thiết, gắn bó, không thể tách rời; có vai trò, vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là cơ sở, lực lượng to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.+ Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.  + Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế.  + Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá nông thôn. Mục tiêu cao nhất trong phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.  ***- Về phương hướng phát triển của nông nghiệp, nông dân, nông thôn***  + Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái.  + Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.  + Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.  + Chú trọng xây dựng nông dân Việt Nam phát triển toàn diện, văn minh, yêu nước, đoàn kết, tự chủ, tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo, có ý chí, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc; có trình độ, học vấn và năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, nếp sống văn minh, trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường; được thụ hưởng những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tiếp cận các dịch vụ của đô thị.  + Xây dựng nông thôn hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, văn minh; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; môi trường xanh, sạch, đẹp; đời sống văn hoá lành mạnh, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.  + Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn cần chú trọng phát triển hài hoà, đồng bộ cả nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, gắn với cơ cấu lại lao động, tạo sinh kế, việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho nông dân và cư dân nông thôn, bảo đảm quốc phòng, an ninh, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, nhất là các địa bàn chiến lược trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc.  + Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển bền vững các hệ sinh thái. Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp và an toàn cho nhân dân.  + Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nguồn lực của đất nước phải tiếp tục ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Bảo đảm phát triển hài hoà giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền, địa phương; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hoá theo hướng "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh".  ***- Quan điểm về trách nhiệm xã hội đối với phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn***  + Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng; đề cao vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.  + Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn.  **2.3. Những nhiệm vụ, giài pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Theo tinh thần Nghị quyết 19, Hội nghị lần thứ năm, BCH Trung ương khóa XIII)**  - Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn  - Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng  - Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn-  - Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá  - Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn  - Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn  - Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai  - Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ  - Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn |
| **Câu 3**: Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần phải làm gì để thực hiện đường lối của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn? | **3. VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN**  **3.1. Những kết quả tích cực và vấn đề đặt ra trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở địa phương**  **- Về** nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, đời sống nông dân và cư dân nông thôn  **- Về phát triển nông nghiệp**  - Về phát triển công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn  **- Về xây dựng nông thôn mới**  **- Về nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ**  **- Về q**uản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai  - Về hội nhập quốc tế  **- Về nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý**  **3.2. Giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế nằm thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở địa phương**  + Giải pháp về nhận thức  + Giải pháp về tổ chức thực hiện |

**7. Yêu cầu với học viên** *(Nêu rõ các hoạt động người học phải thực hiện phù hợp với chuẩn đầu ra, nội dung, hình thức tổ chức dạy học và yêu cầu đánh giá của bài giảng đã tuyên bố).*

- Đọc các tài liệu và trả lời được các câu hỏi trước giờ lên lớp.

**- Tập trung nghe giảng, tích cực tham gia trả lời các câu hỏi, tham gia đối thoại, đóng góp ý kiến, thảo luận.**

**- Liên hệ nội dung bài giảng với thực tiễn địa phương (ngành) học viên đang công tác.**